TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88/2024/QĐST-HNGĐ	*Quan Hóa, ngày 27 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số 94/2024/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L - Sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Thành Thắng, xã Luận Thành, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá

Bị đơn: Anh Lê Văn D - Sinh năm: 1985

Địa chỉ: Bản Bó, xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2024

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Lê Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Lê Văn D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Hà Phương Vy - sinh ngày 02/07/2011 cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung và công, nợ chung: Chị L và anh D thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về án phí: Các đương sự thoả thuận chị L nộp toàn bộ án phí án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị L thuộc trường hợp hộ cận nghèo nên được miễn phần án phí ly hôn sơ thẩm chị phải nộp là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị L còn phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quan Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND xã Luận Thành, H. Thường Xuân, T. Thanh Hóa;
- UBND xã Hiền Chung, H. Quan Hóa, T. Thanh Hóa;
- UBND xã Thuận Minh, H. Thọ Xuân, T.Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Văn Hùng